TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GD** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25-12-2017
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn

2. Ông Mai Văn Thẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 704/2017/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp BR, xã TĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên có ông Nguyễn Văn Nh – Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Nh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Ngọc Th, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp CT, xã CG, huyện GD (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: Anh và chị Th tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 01 năm 2006, có tổ chức lễ cưới nhưng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ Dầu ngày 07-12- 2005; sau khi cưới chị Th về sống chung bên chồng đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau vẫn đến thường xuyên gây gỗ; chị Th bỏ về sống

chung với bà ngoại vợ cho đến nay. Nay anh yêu cầu ly hôn; về con chung có gồm cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 02-01-2007 và cháu Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 04-7-2016 hiện đang sống chung với chị Th; nay anh yêu cầu yêu cầu được nuôi cháu K, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Th trình bày: thừa nhận lời trình bày của anh H về ngày tháng năm chung sống, con chung là đúng sự thật; nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do cha, mẹ mất sớm, chị sống chung với bà ngoại từ nhỏ; khi mang thai cháu Kh chị nói với anh H về sống chung với bà ngoại để dưỡng thai, anh H đồng ý; sau đó chị xin tiền đi khám thai nhưng anh H và cha, mẹ chồng không cho mà còn nói lời nặng nhẹ, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay. Nay anh H yêu cầu ly hôn chị đồng ý; con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng một cháu 1.500.000 đồng; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự, người bảo vệ quyền lợi cho đương sự thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung vụ án: Anh H và chị Th tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 01 năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ trước đó ngày 07-12-2005; vợ chồng sống hạnh phúc đến khi chị Th mang thai cháu Kh thì phát sinh mâu thuẫn, chị Th về sống chung với bà ngoại, từ đó vợ chồng không ai quan tâm đến ai; tại phiên tòa anh H và chị Th yêu cầu ly hôn là tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị Th.

Về con chung: cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 02-01-2007 và cháu Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 04-7-2016 sống với chị Th từ khi anh, chị ly thân đến nay; các cháu được chị Th và gia đình quan tâm nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đi học và phát triển bình thường về mọi mặt; chị Th có việc làm và thu nhập ổn định; đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Th tiếp tục nuôi, đồng thời buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Anh H và chị Th tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào đầu năm 2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp; vợ chồng sống hạnh phúc đến khi chị Th mang thai cháu Kh được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nên ly thân nhau từ tháng 12 năm 2015 đến nay; từ khi ly thân cho đến nay vợ chồng mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Như vậy có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa anh H yêu cầu ly hôn, chị Th đồng ý là tự nguyện; đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị Th.

[2] Về con chung: cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 02-01-2007 và cháu Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 04-7-2016; trong quá trình hòa giải anh H đồng ý giao cho chị Th tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con với lý do còn phải nuôi cha, mẹ già; tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh H và anh H yêu cầu chị Th giao cháu K lại cho anh H nuôi, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con; còn chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 cháu và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng mỗi tháng một cháu 1.500.000 đồng. Xét thấy sau khi anh H và chị Th ly thân, chị Th và cháu K về sống chung với bà ngoại cho đến khi sinh cháu Kh; mặt dù hoàn cảnh có khó khăn nhưng các cháu được chị Th và gia đình thương yêu, quan tâm nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đi học và hiện nay phát triển bình thường về mọi mặt; chị Th làm công nhân có thu nhập hàng tháng; trong quá trình lấy lời khai cháu K yêu cầu được sống chung với chị Th; để giữ ổn định về tâm lý cho các cháu, tránh xáo trộn nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu K và Khánh cho chị Th tiếp tục nuôi là có căn cứ theo Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; không chấp nhận yêu cầu của anh H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của anh H; anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: xét thấy anh H đang chăm sóc cha, mẹ già bệnh tật, làm công việc nhà và thu nhập hàng tháng 3.000.000 đồng từ việc khai thác mũ cao su; chị Th yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hằng tháng một cháu 1.500.000 đồng là quá cao so với thu nhập của anh H; do cần buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng một cháu là 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với Điều 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: anh H và chị Th không có yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: anh H tự nguyện tiền án phí dân sự về việc ly hôn và phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung H và chị Võ Thị Ngọc Th.

2. Về con chung: cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 02-01-2007 và cháu Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 04-7-2016 giao cho chị Võ Thị Ngọc Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng; buộc anh Nguyễn Trung H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng một cháu là 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi cháu K và Khánh đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Trung H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: anh H và chị Th không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: anh Nguyễn Trung H tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do anh H đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0012791 ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD; anh H còn phải nộp tiếp 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện GD;
- CC THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- UBND xã TĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng